

Số: **3161** /UBND-KSTTHC

Quảng Trị, ngày **14** tháng 7 năm 2020

V/v báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị định 61/2018/NĐ-CP và Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg

Kính gửi:

- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã.

Thực hiện Công văn số 5637/VPCP-KSTT ngày 10/7/2020 của Văn phòng Chính phủ về việc báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị định 61/2018/NĐ-CP và Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg (*Sao gửi kèm*), Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Ban quản lý Khu Kinh tế tỉnh; UBND các huyện, thành phố thị xã:

Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Nghị định 61/2018/NĐ-CP và Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg theo Phụ lục đề cương hướng dẫn báo cáo và theo Phụ lục 1b.

- Số liệu báo cáo theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP: *Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 15/6/2020.*

- Số liệu báo cáo theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg: *Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 15/6/2020.*

2. Sở Thông tin và Truyền thông:

Ngoài nội dung báo cáo trên, đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo việc tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Giao Văn phòng UBND tỉnh:

- Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và Phụ lục 2b.

- Tổng hợp số liệu báo cáo của các cơ quan, đơn vị, trình UBND tỉnh báo cáo Văn phòng Chính phủ theo đúng thời gian quy định.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện. Báo cáo gửi về Văn phòng UBND tỉnh **trước ngày 25/7/20120** đồng thời gửi kèm file điện

từ qua địa chỉ email: phongkstthc@quangtri.gov.vn để tổng hợp trình UBND báo cáo Văn phòng Chính phủ. / *ph*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC. *ph*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH *ph*



Võ Văn Hưng

Số: 5637/VPCP-KSTT
V/v báo cáo tình hình triển khai
thực hiện Nghị định 61/2018/NĐ-CP
và Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2020

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Tổng công ty Bưu điện Việt Nam.



Thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ giao, Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan xây dựng Đề án thí điểm đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trình Thủ tướng Chính phủ trong quý I năm 2021¹.

Để việc xây dựng Đề án bảo đảm chất lượng, tiến độ thời gian, Văn phòng Chính phủ trân trọng đề nghị các bộ, ngành, địa phương phối hợp thực hiện báo cáo kết quả triển khai, thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích. Số liệu báo cáo tính đến ngày 15/6/2020. (Xin gửi kèm phụ lục báo cáo).

Báo cáo gửi về Văn phòng Chính phủ trước ngày 31 tháng 7 năm 2020. Bản mềm Báo cáo xin gửi qua email của đồng chí Hán Thị Hồng Vân theo địa chỉ: hanthihongvan@thutuchanhchinh.vn.

(Đầu mối liên hệ: Đồng chí Nguyễn Thị Bích Ngân, Cục Kiểm soát thủ tục hành chính, điện thoại: 0946.250.666 hoặc 080.43824).

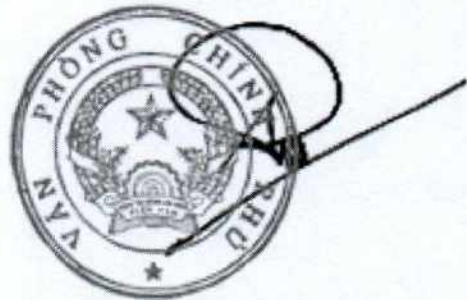
¹ Khoản 7 Mục III Nghị quyết 84/NQ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2020 về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19.

Văn phòng Chính phủ trân trọng cảm ơn sự quan tâm, phối hợp của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPCP: BTCN (để b/c),
- Lưu: VT, KSTT (2). HV

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM



Mai Tiên Dũng

Phụ lục
ĐỀ CƯƠNG HƯỚNG DẪN BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ
TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ TẠI NGHỊ ĐỊNH 61/2018/NĐ-CP VÀ
QUYẾT ĐỊNH SỐ 45/2016/QĐ-TTg

*(Kèm theo Công văn số 5637 /VPCP-KSTT ngày 10 tháng 7 năm 2020
của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)*

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ TRIỂN KHAI

Tình hình triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg theo các phụ lục báo cáo đi kèm công văn này.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá chung về hiệu quả và mức độ thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg.

2. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện

- Khó khăn trong thực tế triển khai (con người, cơ sở vật chất, hệ thống hạ tầng...);

- Nêu rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan của những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế.

III. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, bổ sung, điều chỉnh quy định chính sách, pháp luật (nếu phát hiện có thiếu sót, bất cập);

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật;

- Đề xuất các giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg./.

Phụ lục 1b

TÌNH HÌNH TỔ CHỨC VÀ TRIỂN KHAI BỘ PHẬN MỘT CỬA TẠI ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Công văn số 5637/WPCP-KSTT ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)

STT	Tổ chức TTPVHC		Tổ chức BPTN&TKQ		Trụ sở TTPVHC, BPMC		Số lượng công chức tại BPMC		Chi phí triển khai BPMC			Số lượng TTHC được thực hiện theo CCMC, MCLT		Tình hình giải quyết TTHC tại BPMC						Tình hình phát sinh hồ sơ TTHC tại BPMC												
	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp CM cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Chi phí đầu tư xây dựng/ thuê trụ sở	Chi phí vận hành trụ sở (cơ sở vật chất, con người)	Chi phí duy trì hoạt động của BPMC hàng năm	Kết quả thu các khoản phí, lệ phí tại BPMC	Tổng số TTHC thực hiện theo CCMC, MCLT	Tổng số cấp tỉnh	Tổng số cấp huyện	Tổng số cấp xã	Số hồ sơ tiếp nhận	Số hồ sơ đã giải quyết	Trả kết quả giải quyết	Số lượng TTHC không phải hồ sơ/năm	Số lượng TTHC phát sinh ít hơn 50 hồ sơ/năm	Số lượng TTHC phát sinh ít hơn 100 hồ sơ/năm							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)

* Hướng dẫn cách điền thông tin: (Số liệu tính đến ngày 15/6/2020)

Cột 2, 3: Ghi số lượng TTPVHC đã thành lập, chưa thành lập TTPVHC ghi 0.
 Cột 4: Ghi số lượng BPMC tổ chức tại cơ quan chuyên môn (không tính TTPVHC)
 Cột 5: Ghi số lượng BPMC / Tổng số cấp huyện
 Cột 6: Ghi số BPMC / Tổng số cấp xã
 Cột 7,8,9: Ghi Số BPMC đã được bố trí trụ sở

Cột 10,11,12: Số lượng công chức bố trí tại BPMC theo từng cấp
 Cột 13, 14, 15, 16: Ước tính trung bình chi phí triển khai đối với một BPMC (tính theo đơn vị nghìn đồng)

Cột 17: Số lượng TTHC trên địa bàn tỉnh
 Cột 18, 19, 20, 21: Số lượng TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Trong đó Cột 18 = Cột (19+20+21)

Cột 17: Số lượng TTHC trên địa bàn tỉnh
 Cột 18, 19, 20, 21: Số lượng TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Trong đó Cột 18 = Cột (19+20+21)

Cột 22 đến 30: Số lượng hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả tại BP/MC

Cột 31: Ghi rõ số lượng TTHC thực hiện tại BP/MC không phát sinh hồ sơ (trong đó không tính số lượng TTHC cung cấp DVC 3, 4 không phát sinh hồ sơ theo nội dung báo cáo tại Phụ lục 2b) Ví dụ lĩnh vực Tư pháp có 10 TTHC thực hiện tại Bộ phận 1 của và không phát sinh hồ sơ. Trong đó có 3 TTHC không phát sinh hồ sơ mà có cung cấp DVC mức độ 3, 4. Như vậy có 7 TTHC lĩnh vực tư pháp thực hiện tại BP/MC không phát sinh hồ sơ. Các lĩnh vực khác thống kê tương tự và ghi tổng số lượng TTHC tại cả các lĩnh vực tại cột 31.

Cột 32: Ghi rõ số lượng TTHC thực hiện tại BP/MC có số lượng hồ sơ phát sinh ít hơn 50 hồ sơ/năm (trong đó không tính số lượng TTHC cung cấp DVC 3, 4 có số lượng hồ sơ ít hơn 50 hồ sơ/năm theo nội dung báo cáo tại Phụ lục 2b)

Cột 33: Ghi rõ số lượng TTHC thực hiện tại BP/MC có số lượng hồ sơ phát sinh ít hơn 100 hồ sơ/năm (trong đó không tính số lượng TTHC cung cấp DVC 3, 4 có số lượng hồ sơ ít hơn 100 hồ sơ/năm theo nội dung báo cáo tại Phụ lục 2b)

Tổng công ty Bưu điện Việt Nam chỉ diện nội dung liên quan đến việc thực hiện Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg

UBND tỉnh/thành phố.....

Phụ lục 2b

TÌNH HÌNH XÂY DỰNG HỆ THỐNG THÔNG TIN MỘT CỬA ĐIỆN TỬ VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG MỨC ĐỘ 3, 4 TẠI ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Công văn số 5637/PPCP-KSTT ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)

STT	Thiết lập CDVC và HTTMCDT				Cung cấp dịch vụ công mức độ 3, 4													
	Xây dựng, vận hành CDVC	Xây dựng, vận hành HTTMCDT	Kết nối tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa CDVC và HTTMCDT với các HTTT khác				Dịch vụ công mức độ 3, 4				Số lượng hồ sơ phát sinh				Tình trạng phát sinh hồ sơ			
			Công DVC/QG	Hệ thống thông tin của Sở, ngành	Hệ thống thông tin nội bộ	Hệ thống thông tin khác	Tổng	DVC mức độ 3	DVC mức độ 4	Tổng	DVC mức độ 3	DVC mức độ 4	Tổng	Số lượng DVC không phát sinh hồ sơ	Số lượng DVC phát sinh ít hơn 50 hồ sơ/năm	Số lượng DVC phát sinh ít hơn 100 hồ sơ/năm		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)			
1																		
2																		

* Hướng dẫn cách điền thông tin: (Số liệu tính đến ngày 15/6/2020)

- Cột 2, 3: Ghi số 1 nếu đã có CDVC và HTTMCDT, ghi số 0 nếu chưa có
- Cột 4: Ghi số 1 nếu đã kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Công DVC/QG, ghi số 0 nếu chưa thực hiện
- Cột 5, 6, 7: Ghi rõ hệ thống thông tin kết nối
- Cột 8, 9, 10: Số lượng DVC mức độ 3, 4 tại Bộ, ngành trong đó Cột 8 = Cột (9 + 10)
- Cột 11, 12, 13: Số lượng hồ sơ phát sinh của DVC mức độ 3, 4 trong đó Cột 11 = Cột (12 + 13)
- Cột 14: Số lượng DVC mức độ 3, 4 không phát sinh hồ sơ
- Cột 15: Số lượng DVC mức độ 3, 4 phát sinh ít hơn 50 hồ sơ/năm
- Cột 16: Số lượng DVC mức độ 3, 4 phát sinh ít hơn 100 hồ sơ/năm